

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Trứ

2. Bà Phạm Thị Phụng

-Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Trí- *Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.*

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu, *Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXX- ST, ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Trương Thị V, sinh năm 1967*

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn: Từ Minh D, sinh năm 1969*

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị V và anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08/5/2017 của chị Trương Thị V; bản tự khai ngày 14/7/2017 của anh Từ Minh D; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị V và anh D trình bày:

Anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C(nay là xã M, thị xã C), tỉnh Tiền Giang cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 02 ngày 12/9/2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh D đánh chị V nhiều lần và hiện tại cả hai đã sống ly thân với nhau.

Nay về quan hệ hôn nhân: Chị V yêu cầu ly hôn với anh D, anh D không đồng ý vì anh còn thương vợ con, anh muốn có thời gian để anh khắc phục, sửa chữa lỗi lầm chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 02(hai) con chung tên Từ H N N, sinh năm 1992 và Từ M Q H, sinh ngày 27/7/2000. Nếu ly hôn chị V và anh D không yêu cầu giải quyết đối với cháu N N vì cháu N đã trưởng thành và lao động được, riêng cháu H thì tùy ý kiến cháu muốn sống với cha hay với mẹ, anh chị không yêu cầu cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị V và anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung chị V và anh D trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có ý kiến đề nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị V và anh D xác lập quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C(nay là xã M, thị xã C), tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/9/2004. Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh của Tòa án ngày 07/6/2017 và xác nhận của Công an xã ngày 22/5/2017 mà chị V cung cấp xác định được trong quá trình chung sống chị V và anh D thường xuyên gây gỗ, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh D không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình mà hay nhậu say về đánh đập vợ, con nhiều lần, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Vào tháng 8/2016 chị V đã nộp đơn xin ly hôn với anh D và được Tòa án thụ lý, sau đó chị xin rút lại đơn để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh chị vẫn không

giải quyết được mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị V và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị V xác định đã hết tình cảm với anh D và cương quyết yêu cầu ly hôn với anh D, mặc dù anh D không đồng ý ly hôn với chị V nhưng anh D không đưa ra được giải pháp nào có hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị V được ly hôn với anh D.

- **Về quan hệ con chung:** Chị V và anh D có 02(hai) con chung tên Từ H N N, sinh năm 1992 và Từ M Q H, sinh ngày 27/7/2000. Nếu ly hôn chị V và anh D không yêu cầu giải quyết đối với cháu N N vì cháu N đã trưởng thành và lao động được, riêng cháu H thì tùy ý kiến cháu muốn sống với cha hay với mẹ, anh chị không yêu cầu cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H. Xét thấy nguyện vọng của cháu H tại bản khai ngày 25/5/2017 là cháu muốn được sống cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cháu H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trương Thị V và anh Từ Minh D có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Chị V và anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung chị V và anh D trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng.

Xét, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 5, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Trương Thị V được ly hôn với anh Từ Minh D.

- **Về quan hệ con chung:** Cháu Từ H N N, sinh năm 1992 đã trưởng thành lao động được nên chị V và anh D không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Từ M Q H, sinh ngày 27/7/2000 cho chị Trương Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu.

Chị Trương Thị V và anh Từ Minh D có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị V và anh D không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trương Thị V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị V đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000756 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, xem như chị V đã nộp xong án phí.

Chị Trương Thị V và anh Từ Minh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tx Cai Lậy;
- Chi cục THADS Tx Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ KIM DUNG